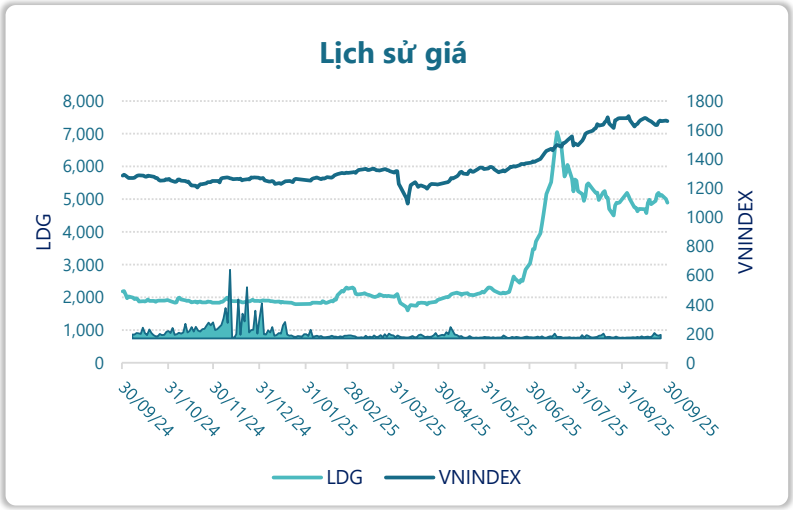
FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,890**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
SL cổ phiếu LH	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,391,965
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,250
P/E	-4.3
EPS	-1,131

DT thuần

Q3/25

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 119| 3393%

YoY: ▲ 147| 582%

LN sau thuế

Q3/25

108

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 213| 203%

YoY: ▲ 185| 240%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

88.7%

+/- YoY: ▼ 231%

DT thuần

9T 2025

202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 377| 216%

LN sau thuế

9T 2025

15.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 489| 103%

ROE

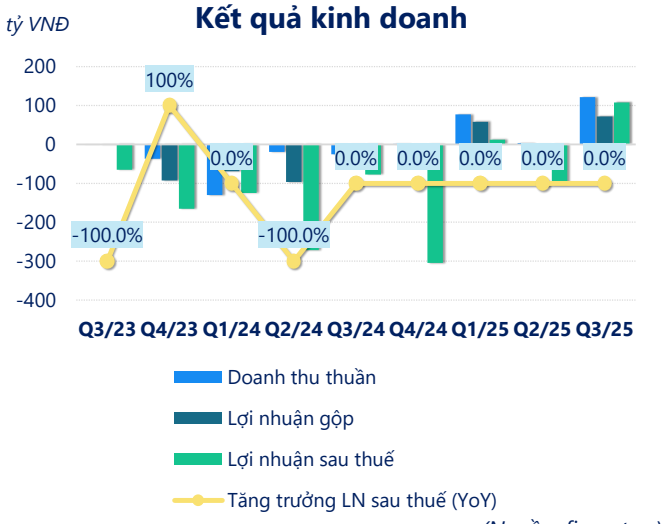
Q3/25

-16.7%

+/- YoY: ▲ 7.5%

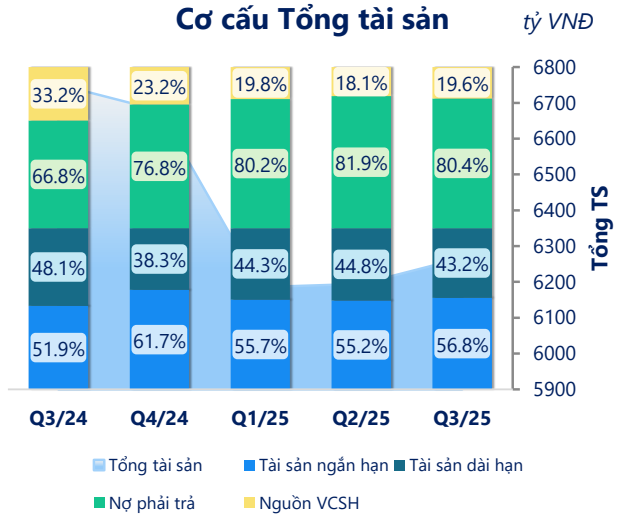
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



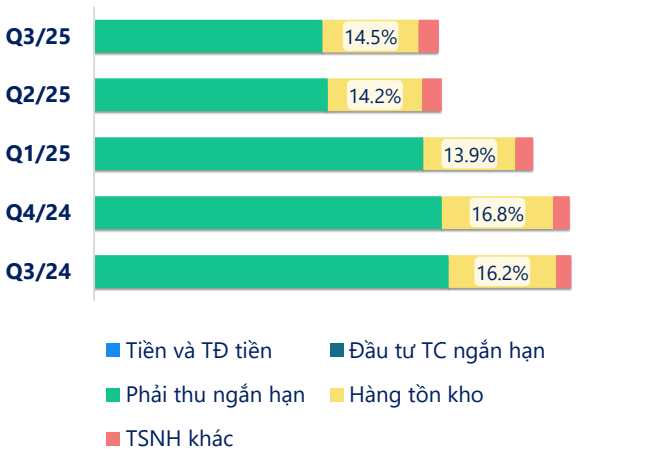
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



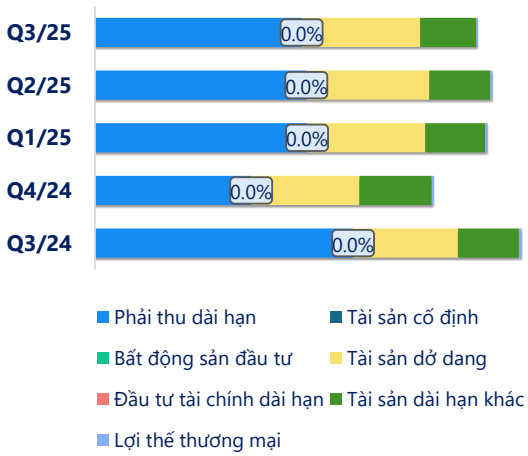
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



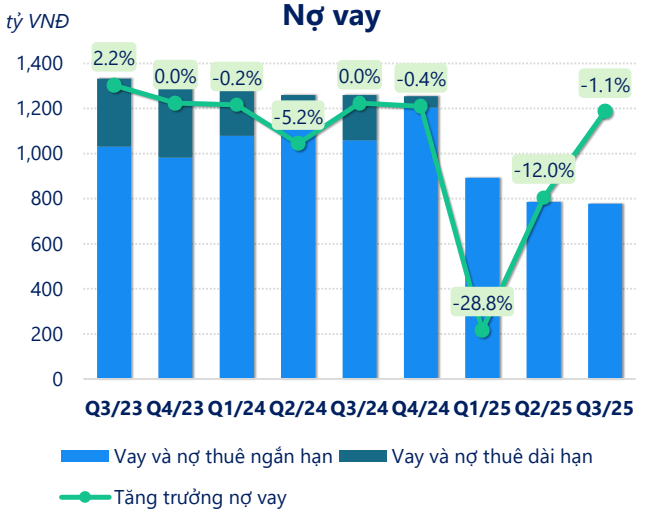
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



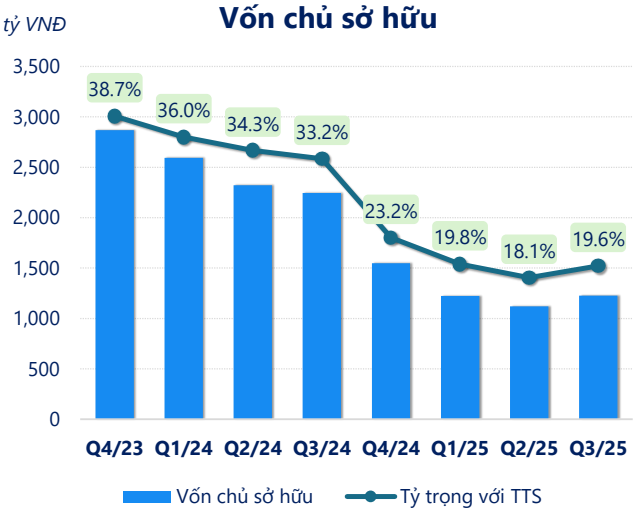
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



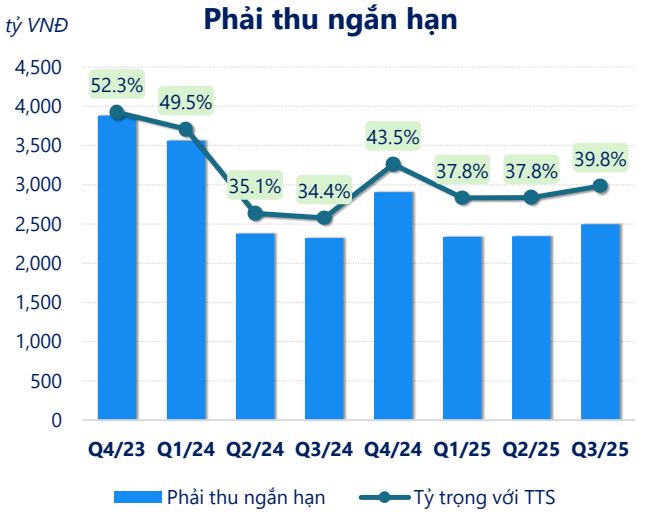
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



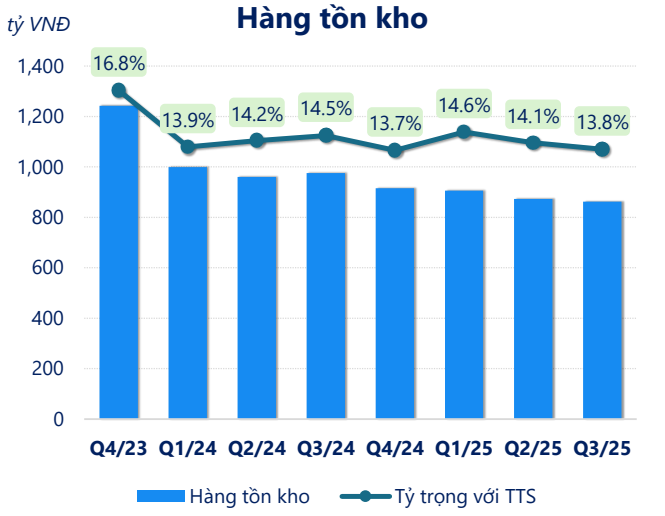
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



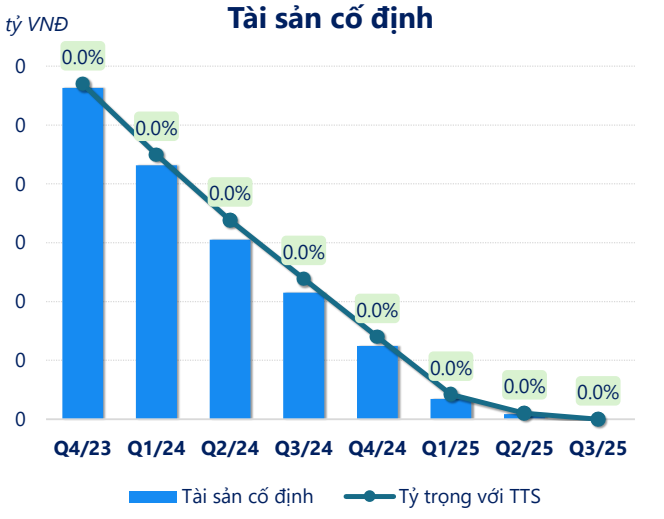
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



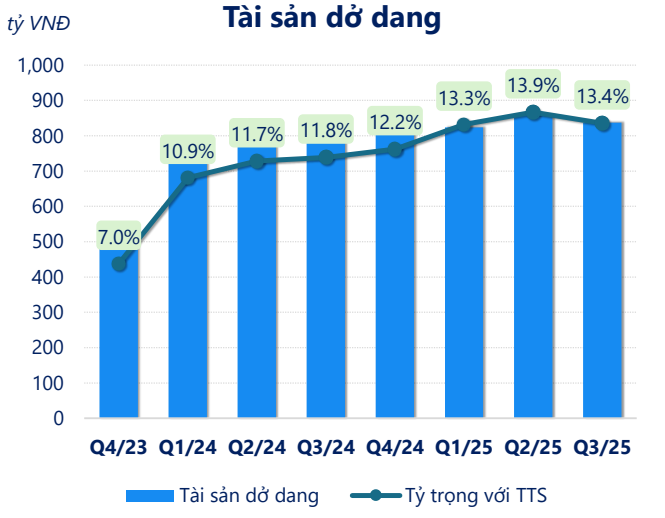
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



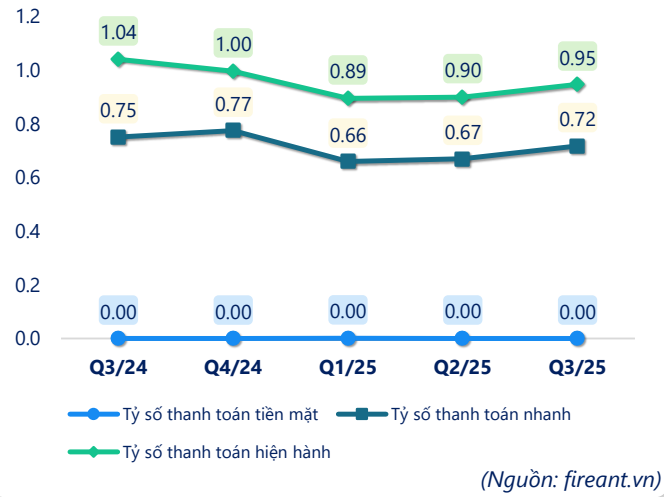
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



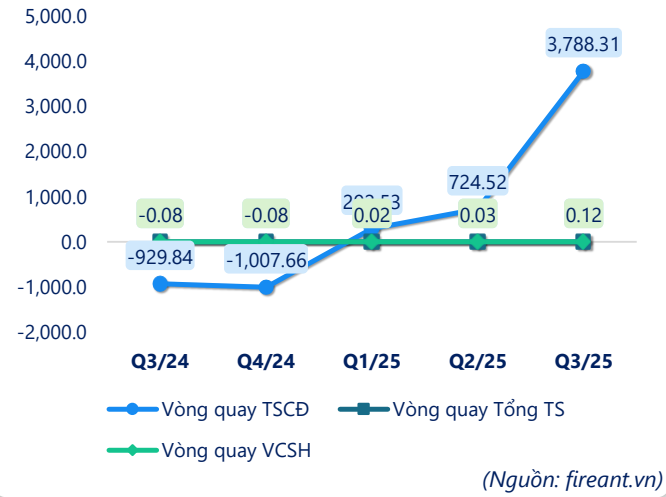
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**6,751**	**6,679**	**6,185**	**6,194**	**6,267**
Tài sản ngắn hạn	**3,502**	**4,123**	**3,445**	**3,417**	**3,559**
Tiền và tương đương tiền	0.41	0.92	3.33	1.55	1.16
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2,320	2,904	2,337	2,342	2,494
Hàng tồn kho	976	915	906	873	862
Tài sản ngắn hạn khác	205	303	199	201	202
Tài sản dài hạn	**3,250**	**2,556**	**2,740**	**2,777**	**2,707**
Phải thu dài hạn	1,966	1,177	1,480	1,477	1,461
Tài sản cố định	0.11	0.06	0.02	0.00	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	798	815	823	859	838
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	466	547	421	427	397
Lợi thế thương mại	19.1	17.1	15.1	13.0	11.0
Nợ phải trả	**4,508**	**5,133**	**4,962**	**5,076**	**5,040**
Nợ ngắn hạn	**3,366**	**4,141**	**3,850**	**3,798**	**3,760**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,060	1,204	893	786	778
Phải trả người bán ngắn hạn	181	185	184	178	152
Nợ dài hạn	1,142	992	1,112	1,278	1,280
Vay và nợ thuê dài hạn	200	50.0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,244**	**1,546**	**1,223**	**1,119**	**1,227**
Vốn chủ sở hữu	**2,244**	**1,546**	**1,223**	**1,119**	**1,227**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	2,570	2,570	2,570
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)